

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2576/TTr-SXD ngày 19 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế các Quyết định: Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo; Website tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN^{tu}
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

QUY ĐỊNH

VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2017/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng gồm: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán xây dựng công trình và giấy phép xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền về quản lý dự án đầu tư xây dựng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương II

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở và trình phê duyệt dự án

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật Xây dựng năm 2014) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm b Khoản này và các dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số

42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP);

b) Ban quản lý Khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được phê duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm a, Khoản này và các dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban quản lý khu kinh tế nêu tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định theo phân cấp và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại các Điểm a, d và đ, Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án nhóm B, dự án nhóm C được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm a, Khoản này và các dự án quy định tại các Điểm a, d và đ, Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, tổng hợp kết quả thẩm định nêu tại Điểm a, b Khoản này và các nội dung liên quan khác, trình phê duyệt dự án; chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 05 (năm) tỷ đồng.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) có cấu phần xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại

Khoản 2, Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ); góp ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án; đơn vị đầu mỗi quản lý về hoạt động PPP thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế công nghệ (nếu có) và tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở do Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Trừ các dự án quy định tại Điểm b Khoản này, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh;

b) Trừ các dự án quy định tại Điểm a, Khoản này, Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58, Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án theo quy định tại Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở quy định tại các Điểm a và b, Khoản này. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Trừ quy định tại Điểm b và c Khoản này, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư trên địa bàn hành chính của tỉnh;

b) Trừ quy định tại Điểm a và c Khoản này, Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư trong

phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10 (mười) tỷ đồng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, trừ các dự án quy định tại Điểm a và b Khoản này. Trường hợp không đủ điều kiện hoặc vượt quá khả năng thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này để thẩm định;

d) Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh do các Bộ, cơ quan ở Trung ương quyết định đầu tư (trừ dự án quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) thì chủ đầu tư trình thẩm định tại Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này. Trường hợp này thì cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định đầu tư dự án;

e) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý khu kinh tế và Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện nêu tại Điểm a, b và c Khoản này có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định theo phân cấp và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Trừ quy định tại Điểm b và c Khoản này, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e, Khoản 4, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình cấp II trở xuống do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư;

b) Trừ quy định tại Điểm a và c Khoản này, Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e, Khoản 4, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có công trình cấp II trở xuống do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm c, d, đ và e, Khoản 4, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10 (mười) tỷ đồng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, trừ các dự án quy định tại Điểm a và b Khoản này. Trường hợp không đủ điều kiện hoặc vượt quá khả năng thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này để thẩm định;

d) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các Điểm a và b, Khoản 4, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 và phần thiết kế công nghệ (nếu có) đối với các dự án quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này. Cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định đầu tư dự án;

đ) Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định đối với các dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh do các Bộ, cơ quan ở Trung ương quyết định đầu tư (trừ dự án quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP) thì chủ đầu tư trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng tại Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này. Đối với trường hợp này thì cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định đầu tư dự án;

3. Đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại các điểm c và d, Khoản 4 Điều 58, Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III nằm trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm b, Khoản này và các dự án quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Trừ quy định tại Điểm a Khoản này, Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì thẩm định các nội dung theo quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều 58, Luật xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở có quy mô dưới

25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III nằm trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trừ các dự án quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều 13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Khoản 4, Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014, trừ các nội dung thẩm định do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại các Điểm a và b, Khoản này.

4. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Điều 5. Thời gian thẩm định và quyết định dự án đầu tư xây dựng

1. Đối với dự án nhóm B:

a) Thời gian thẩm định không quá 30 ngày, trong đó:

- Thẩm định dự án: Không quá 10 ngày;
- Thẩm định thiết kế cơ sở: Không quá 20 ngày.

b) Thời gian quyết định đầu tư xây dựng: Không quá 5 ngày.

2. Đối với dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Thời gian thẩm định không quá 20 ngày, trong đó:

- Thẩm định dự án: Không quá 5 ngày;
- Thẩm định thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự toán đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng): Không quá 15 ngày.

b) Thời gian quyết định đầu tư xây dựng: Không quá 5 ngày.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt tại quyết định đầu tư xây dựng. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014, trừ các dự án được giao thẩm quyền Quyết định đầu tư xây dựng cho Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Trưởng ban Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 13 Quy định này.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm b Khoản này và các công trình quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Khoản này và các công trình quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 24, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

2. Các cơ quan chủ trì thẩm định nêu tại Điểm a và b, Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, phê duyệt.

3. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước, trừ quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 13 Quy định này;

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp III trở lên được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm b Khoản này và các công trình quy định tại các Điểm a và d, Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai

bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp III trở lên được đầu tư xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản này và các công trình quy định tại Điểm a và d, Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình quy định tại các Điểm a và b Khoản này.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, phê duyệt.

3. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước;

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước;

c) Đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc dự án sử dụng vốn khác

1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng:

a) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình công cộng, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm b, Khoản này và các công trình quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 26, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

b) Ban quản lý khu kinh tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình công cộng, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, III được xây dựng trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình quy định tại Điểm a, Khoản này và các công trình quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 26, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP;

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ

thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m thuộc địa bàn hành chính quản lý. Trường hợp không đủ điều kiện hoặc vượt quá khả năng thì Phòng có chức năng quản lý xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy định này để thẩm định;

d) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phần thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng đối với các công trình quy định tại các Điều a, b và c Khoản này.

2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

Điều 10. Thời gian thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng

1. Đối với công trình cấp II và cấp III:

a) Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng: Không quá 30 ngày.

b) Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng: Không quá 5 ngày.

2. Đối với công trình còn lại:

a) Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng: Không quá 20 ngày.

b) Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng: Không qua 5 ngày.

Chương IV GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 11. Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng (viết tắt là GPXD)

1. Giao Sở Xây dựng cấp GPXD đối với:

a) Các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình di tích lịch sử - văn hoá, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng;

b) Các công trình xây dựng tôn giáo sử dụng cho việc thờ tự như: Trụ sở của tổ chức tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm phật đường, trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, tượng đài, bia, tháp và những công trình tương tự của các tổ chức tôn giáo. Trường hợp công trình phụ trợ của tổ chức tôn giáo đề nghị cấp Giấy phép xây dựng cùng lúc với công trình thờ tự (lập cùng hồ sơ) thì Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng cho cả hai loại công trình;

c) Các công trình xây dựng của các Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, công trình xây dựng của các Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp

tác xã; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, những công trình quy định tại Khoản 2 Điều này);

d) Các công trình quy định tại các điểm a, b và c, Khoản này mà có vị trí thuộc quy hoạch chung khu kinh tế nhưng nằm ngoài ranh giới các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được UBND tỉnh giao cho Ban quản lý Khu kinh tế tổ chức lập và quản lý.

2. Giao Ban quản lý khu kinh tế cấp GPXD đối với các công trình xây dựng trong khu công nghiệp, trong ranh giới các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu kinh tế đã được UBND tỉnh giao cho Ban quản lý Khu kinh tế tổ chức lập và quản lý theo quy định phải có GPXD (trừ những công trình quy định tại Điểm d, Khoản 1, và công trình, nhà ở riêng lẻ quy định tại Khoản 3, Điều này).

3. UBND cấp huyện cấp GPXD đối với:

a) Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; công trình xây dựng của các hộ kinh doanh; nhà ở riêng lẻ trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn do mình quản lý (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này);

b) Các công trình tín ngưỡng như: Đình, đền, am, miếu, từ đường, nhà thờ họ, những công trình tương tự khác; Công trình phụ trợ không sử dụng cho việc thờ tự của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo như: Nhà ở, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, tường rào, khuôn viên cơ sở tín ngưỡng cơ sở tôn giáo, các công trình tương tự khác (trừ trường hợp công trình phụ trợ của tổ chức tôn giáo đề nghị cấp Giấy phép xây dựng cùng lúc với công trình thờ tự quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều này);

c) Công trình, nhà ở riêng lẻ tại quy định tại Điểm a Khoản này mà có vị trí thuộc quy hoạch chung khu kinh tế và đồng thời thuộc địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này).

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp GPXD tại các Khoản 1, 2, 3 có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi GPXD do mình cấp.

5. Trường hợp các cơ quan quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này không thu hồi GPXD do mình cấp không đúng quy định thì UBND tỉnh trực tiếp quyết định thu hồi GPXD.

Điều 12. Quy định về quy mô, thời hạn tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp GPXD có thời hạn

1. Quy mô công trình, nhà ở riêng lẻ áp dụng cho trường hợp cấp GPXD có thời hạn: tối đa là cấp III và không quá 2 tầng.

2. Không cấp GPXD có thời hạn cho những công trình và nhà ở riêng lẻ có thiết kế tầng hầm.

3. Cơ quan cấp GPXD tự xem xét kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng để xem xét quyết định thời hạn tồn tại của công trình hoặc nhà ở cấp GPXD có thời hạn.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (sau đây gọi chung là Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại Điểm a, Khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

2. Giao Ban quản lý khu kinh tế chịu trách nhiệm trong việc tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng của dự án đầu tư xây dựng công trình trong phạm vi ranh giới quy hoạch được duyệt của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

3. Giao Phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện chủ trì tổ chức thực hiện công tác thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10 (mười) tỷ đồng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Phòng có chức năng quản lý xây dựng tại các thị xã là phòng Quản lý đô thị;

b) Phòng có chức năng quản lý xây dựng tại các huyện là phòng Kinh tế và Hạ tầng;

c) Trường hợp Phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện không thực hiện (do vượt quá khả năng hoặc không đủ điều kiện năng lực thực hiện) công tác thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 10 (mười) tỷ đồng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư thì trình đề nghị Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định theo chuyên ngành quản lý được quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Giao cơ quan chủ trì thẩm định dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; thiết kế, dự toán xây dựng công trình chịu trách nhiệm tổng

hợp kết quả thẩm định và trình người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định.

Đối với các trường hợp nêu tại Điểm c, Khoản 3, Điều này thì Phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình hồ sơ đến người quyết định đầu tư, hoặc gửi cơ quan cấp dưới được phân cấp hoặc ủy quyền để xem xét, quyết định.

5. Giao Sở Xây dựng: Hướng dẫn các cơ quan thẩm quyền cấp GPXD thực hiện việc tổ chức quản lý những công trình được miễn GPXD theo quy định tại Khoản 2, Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014, mẫu đơn đề nghị cấp GPXD, mẫu GPXD khi có hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

6. Phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

a) Giao Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nêu tại Khoản 1, Điều này và Trưởng ban Ban quản lý khu kinh tế nêu tại Khoản 2, Điều này: Quyết định đầu tư xây dựng dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư dưới 10 (mười) tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Giao Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nêu tại Khoản 1 Điều này và Trưởng ban Ban quản lý khu kinh tế nêu tại Khoản 2, Điều này: Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước của công trình thuộc dự án nhóm C, sử dụng vốn ngân sách nhà nước có tổng mức đầu tư dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Các trường hợp điều chỉnh, bổ sung, phát sinh và thay đổi nội dung của dự án; thiết kế, dự toán xây dựng thực hiện theo Điều 16 và Điều 17 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ thiết kế cơ sở đã trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến, thiết kế xây dựng đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thẩm tra trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì tiếp tục thực hiện theo Luật Xây dựng năm 2003. Trường hợp phê duyệt điều chỉnh dự án, phê duyệt điều chỉnh thiết kế sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014.

2. Công trình khởi công xây dựng trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo quy định thuộc đối tượng không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng thì được tiếp tục xây dựng. Nếu công trình chưa khởi công xây dựng thuộc đối tượng yêu cầu cấp giấy phép xây dựng thì phải đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Quy định này.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình của dự án đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; việc điều chỉnh dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình của các dự án này nếu được thực hiện sau ngày Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý khu kinh tế và UBND cấp huyện, định kỳ báo cáo kết quả thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình, cấp giấy phép xây dựng về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Những quy định về nội dung có liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh trái với quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và Quy định này đều bãi bỏ.

3. Các nội dung khác về quản lý dự án đầu tư xây dựng, ngoài nội dung nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{lc}
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

